

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ CHÂU
NGHỆ AN

Mẫu số 52-DS theo NQ số 01/2017 HĐTP - TANDTC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19/5/2023
V/v tranh chấp HN&GD

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Anh Tú và ông Lý Văn Huân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lô Văn Linh - Thẩm tra viên tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại Phòng xử án Toà gia đình và người chưa thành niên, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử (*Lần thứ hai*) số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị V T A, sinh năm 2003.

Trú tại: Bản B, xã C P, huyện Q C, tỉnh Nghệ An.

Tạm trú: Bản C, xã D L, huyện Q C, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh L V P, sinh năm 2001.

Trú tại: Bản B, xã C P, huyện Q C, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2023 và nộp cho Tòa án vào ngày 05/01/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị V T A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị V T A và anh L V P chung sống với nhau từ đầu năm 2020, đến ngày 07/02/2022 mới đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã C P, huyện Q C, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, chị A về làm dâu và chung sống trong nhà cùng bố mẹ anh P là ông L V D và bà L T Th tại bản B, xã C P, huyện Q C, tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được do tính tình hai bên không phù hợp, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, anh P có quan

hệ với người phụ nữ khác nên không lo làm ăn xây dựng cuộc sống gia đình. Từ tháng 3/2022 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, chị A bỏ về sống với bố mẹ đẻ tại xã D L, huyện Q C, hai bên không đi lại, không có trách nhiệm gì với nhau nữa. Thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ chung sống không hạnh phúc và không thể kéo dài nên chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L V P.

- Về quan hệ con cái: Chị V T A và anh L V P có với nhau 01 con chung là L M K, sinh ngày 24/5/2020. Ngoài ra không nhận nuôi con nuôi và chị A không có con riêng. Trong nội dung Đơn khởi kiện nộp cho Tòa án vào ngày 05/01/2023 cũng như Bản tự khai ngày 13/01/2023, Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 10/02/2023 chị A đề nghị nếu ly hôn thì giao cho anh P nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và bản thân sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh P mỗi tháng 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên trong giai đoạn kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hoà giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị A trình bày hiện tại anh P không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không rõ và không có khả năng làm ăn để nuôi con, do đó thay đổi ý kiến, đề nghị nếu ly hôn thì xin nhận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, bà L T T là mẹ đẻ anh P cho biết từ lâu nay anh P thường xuyên đi khỏi nhà, đi đâu làm gì không ai biết. Cháu L M K là con chung của chị A và anh P lâu nay đang ở với gia đình bà.

- Về quan hệ tài sản: Chị V T A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị A cũng không yêu cầu bố mẹ anh P là ông L V D, bà L T T phải trích chia công sức lao động cho mình trong thời gian làm dâu trong gia đình.

Vào thời điểm nộp đơn khởi kiện, chị A đã sao, gửi Đơn khởi kiện cùng các tài liệu kèm theo cho anh P qua đường bưu điện; có đơn từ chối thủ tục hoà giải, đối thoại tại Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập các bên tiến hành lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và tiến hành hoà giải theo quy định. Bản thân anh P trốn tránh không có mặt và không có tài liệu, chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án. Đây là lần thứ hai Tòa án mở phiên tòa để xét xử vụ án nhưng anh L V P vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành mở phiên Tòa để xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật TTDS.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và cố tình vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điểm b khoản 2 điều 227; điều 147 của Bộ luật TTDS. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các điều 56, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình, xử:

- Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của chị V T A. Đề nghị xử cho chị A được ly hôn anh L V P.

- Về việc nuôi con chung: Đề nghị giao con chung là L M K, sinh ngày 24/5/2020 cho chị V T A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chỉ anh L V P.

- Về tài sản: Đề nghị không xem xét.
- Về án phí: Buộc chị V T A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ lời khai của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu cư trú tại huyện Q C, tỉnh Nghệ An. Do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự có mặt của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Nguyên đơn chị V T A trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng và đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn là anh L V P trong quá trình Tòa án triệu tập làm việc và xét xử đều vắng mặt không có lý do mặc dầu đã được thông báo, tổng đạt, niêm yết hợp lệ. Căn cứ vào Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn thi hành một số quy định của khoản 1 và khoản 3 điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn là chị A đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn, trong khi đó bị đơn là anh L V P mặc dầu có đăng ký hộ khẩu tại địa phương, nhưng thường bỏ nhà đi không thông báo cho nguyên đơn, không báo với chính quyền địa phương và cũng không thông báo cho Tòa án biết. Hành vi đó của anh P là đã cố tình chống đối, trốn tránh. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ tình cảm: Chị A và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh P là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn, do phát mâu thuẫn mà không tự giải quyết được nên từ đầu năm 2022 đến nay đã sống ly thân, hai bên không có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên nhằm tiến hành thu thập chứng cứ và hòa giải để các bên đoàn tụ với nhau nhưng không thực hiện được do anh P cố tình vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh P. Bản thân anh P theo cung cấp thông tin của địa phương thì hiện tại là đối tượng nghiện ma túy, có ý thức chống đối, không chấp hành quy định của pháp luật, cố tình vắng mặt gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng thực sự đã trầm trọng, quan hệ hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị V T A được ly hôn với anh L V P là phù hợp thực tế cuộc sống của hai bên và phù hợp quy định của pháp luật.

[2.2]. Về quan hệ con cái: Hai người có 01 con chung là L M K, sinh ngày 24/5/2020. Nay ly hôn, chị A đề nghị được nhận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu anh P phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung .

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị A thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đó là trong nội dung Đơn khởi kiện nộp cho Toà án vào ngày 05/01/2023 cũng như Bản tự khai ngày 13/01/2023, Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 10/02/202 chị A đề nghị nếu ly hôn thì giao cho anh P nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và bản thân sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh P mỗi tháng 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên trong giai đoạn kiểm tra, giao nộp chứng cứ và hoà giải cũng như tại phiên toà hôm nay, chị A trình bày hiện tại anh P không có mặt ở địa phương, bỏ nhà đi đâu không rõ, không có khả năng làm ăn để nuôi con, do đó thay đổi ý kiến, đề nghị nếu ly hôn thì xin nhận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Thấy rằng việc thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của chị A là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 điều 71; điều 244 BLTTDS, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị V T A.

Xét thấy, việc giao con chung chưa trưởng thành cho người nào nuôi sau khi vợ, chồng ly hôn là xuất phát từ quyền lợi của người con phải được nuôi dưỡng, chăm sóc trong điều kiện tốt nhất có thể được để phát triển bình thường, khỏe mạnh và có cơ hội học tập, ngoài ra còn xem xét đến khả năng của người được giao nghĩa vụ nuôi con. Nay thấy rằng bản thân chị A có sức khỏe, có nhận thức và khả năng làm ăn để nuôi con. Anh P là đối tượng nghiện nghiện, thường bỏ nhà đi nay đây mai đó, không chịu khó làm ăn, khó có thể trở thành tấm gương sáng cho con cái. Do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị V T A, giao con chung là L M K cho chị A nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Do chị A không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L V P. Sau này giữa các bên có tranh chấp về người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng và nếu có yêu cầu thì sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Chị V T A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị V T A cũng không yêu cầu bố, mẹ anh P phải trích chia công sức đóng góp trong thời gian làm dâu, nên miễn xét.

[3]. Về án phí: Chị V T A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

- Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của chị V T A. Cho chị V T A được ly hôn anh L V P.

- Về quan hệ con cái: Giao con chung là L M K, sinh ngày 24/5/2020 cho chị V T A nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L V P.

Anh L V P có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị V T A phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị A đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Châu theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006518 ngày 05/01/2023. Chị A đã nộp đủ án phí DSST.

Án xử công khai, sơ thẩm. Có mặt nguyên đơn, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Châu;
- Chi cục THA DS huyện Quỳnh Châu;
- UBND xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Võ Văn Dũng